

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Bùi Quang	Chiến	3671030038	19/05/1994	6,10	1,30	2,70	
2	Trương Hoàng	Anh	3671030144	29/03/1994	5,00	,00	1,50	
3	Trương Văn	Song	3671030177	16/02/1994	8,20	5,80	6,50	
4	Mai Minh	Thuận	3671030183	15/07/1994	7,40	3,20	4,50	
5	Võ Hiếu	Nghĩa	3671030234	26/04/1994	8,30	4,80	5,90	
6	Lê Anh	Vĩ	3671030260	14/07/1994	5,60	5,40	5,50	
7	Lý Xuân	Sử	3671030311	10/06/1994	5,40	3,20	3,90	
8	Vũ Văn	Minh	3671030390	02/10/1993	6,50	6,60	6,60	
9	Trần Hồ Nhật	Minh	3671030462	01/03/1994	6,70	,00	2,00	
10	Lê Anh	Tuấn	3671030474	12/09/1993	6,30	2,10	3,40	
11	Lâm Đỗ Đình	Quang	3671030500	24/07/1994	5,10	4,70	4,80	
12	Đặng Thế	Vinh	3671030515	11/03/1994	5,20	,70	2,10	
13	Nguyễn Văn	Hiếu	3671030557	25/06/1993	,00	,00	,00	
14	Nguyễn Quốc	Phong	3671030606	19/03/1993	5,90	3,50	4,20	
15	Lê Phú	Lập	3671030629	23/05/1994	6,00	4,60	5,00	
16	Nguyễn Thiện	Tâm	3671030733	10/09/1994	5,50	2,00	3,10	
17	Nguyễn Thành	Trung	3671030742	21/03/1994	2,20	3,20	2,90	
18	Nông Đức	Bằng	3671030787	11/02/1994	6,00	,00	1,80	
19	Nguyễn Thành	Tâm	3671030834	03/01/1994	7,80	4,10	5,20	
20	Lê Hữu	Toàn	3671030859	12/10/1994	3,10	,80	1,50	
21	Nguyễn Thị Thúy	An	3671030877	13/05/1994	6,60	2,20	3,50	
22	Đỗ Bá	Trung	3671030938	05/07/1993	6,20	5,00	5,40	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)